TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1966/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2020
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nở

2. Ông Nguyễn Thành Thông

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 23 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 9 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5623/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tôn Nữ An M, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: D15 - khu BTV, Khu phố R, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyen T D (Nguyễn Đ T), sinh năm 1969 (vắng mặt).

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: Ave Lakewood CA 90712, USA.

Các đương sự đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/8/2020 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Tôn Nữ An M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyen T D (Nguyễn Đ T) tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2009. Đến năm 2014 mới thực hiện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết

hôn số 2734, Quyển số 14 ngày 17/11/2014. Sau khi kết hôn, bà và ông T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã với nhau. Mặc dù, bà và ông T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Năm 2017, ông T trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, còn bà vẫn ở lại Việt Nam. Kể từ đó ông T ít liên lạc và về Việt Nam thăm gia đình. Bà xác nhận hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và để ổn định cuộc sống, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 03 (ba) con chung là trẻ Nguyễn Hải V, sinh ngày 11/9/2011; trẻ Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/10/2014; trẻ Nguyễn Hà M, sinh ngày 03/10/2014. Nếu được ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng các trẻ và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại bản khai ngày 11/9/2020 (đã được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 14/10/2020 tại Tổng Lãnh sự quán Việt Nam tại San Francisco, Hoa Kỳ), bị đơn là ông Nguyen T D (Nguyễn Đ T) xác nhận lời trình bày của bà Tôn Nữ An M về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng; về con chung, tài sản chung và nợ chung là đúng. Nay bà M xin ly hôn, ông đồng ý được ly hôn với bà M và ông cũng đồng ý giao các trẻ Nguyễn Hải V, Nguyễn Linh Đ, Nguyễn Hà M cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các trẻ lần lượt thành niên, ông không cấp dưỡng tiền nuôi con. Do bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Tôn Nữ An M, Hội đồng xét xử nhận thấy bà M và ông T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án xem xét, giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện cư trú tại Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Tôn Nữ An M được ly hôn ông Nguyen T D (Nguyễn Đ T), Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà M và ông T thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà M và ông T không có quá trình chung sống lâu dài, do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà M và ông T đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà M yêu cầu được ly hôn với ông T là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Bà Tôn Nữ An M và ông Nguyen T D (Nguyễn Đ T) thống nhất giao các trẻ Nguyễn Hải V, sinh ngày 11/9/2011; Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/10/2014; Nguyễn Hà M, sinh ngày 03/10/2014 cho bà M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các trẻ lần lượt thành niên. Ông T không cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì bà M không yêu cầu. Xét thấy, sự thỏa thuận này là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Tôn Nữ An M chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Tôn Nữ An M.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tôn Nữ An M được ly hôn với ông Nguyen T D (Nguyễn Đ T).

Giấy chứng nhận kết hôn số 2734, Quyển số 14 ngày 17/11/2014 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Tôn Nữ An M và ông Nguyen T D (Nguyễn Đ T) không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giao cho bà Tôn Nữ An M được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục các trẻ Nguyễn Hải V, sinh ngày 11/9/2011; Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 03/10/2014; Nguyễn Hà M, sinh ngày 03/10/2014 cho đến khi các trẻ lần lượt thành niên.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyen T D (Nguyễn Đ T) cho đến khi bà M có yêu cầu.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở. Bà M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông T nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Tôn Nữ An M chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0092586 ngày 17/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Bà Tôn Nữ An M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Ông Nguyen T D (Nguyễn Đ T) được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thủy Tiên